

Công dụng: Tăng cường và làm mạnh hệ thống miễn dịch, giúp đề phòng các loại bệnh tật đối với cơ thể. Có tác dụng bổ khí dưỡng huyết, tăng cường sinh lực. Có thể dùng ngày 20 g đến 30 g, đun nước uống hàng ngày.

Bạch chi (Linh chi màu trắng). Tên khác: Ngọc chi.

Vị cay. Tính bình không độc.

Công dụng: ích bổ phế khí. Phối hợp với các vị thuốc khác trị chứng hen suyễn, ho có đờm và không có đờm

Hắc chi (Linh chi màu đen). Tên khác: Huyền chi.

Vị mặn, tính bình không độc.

Có tác dụng đối với các chứng bệnh ở cơ quan tiết niệu như: Bí tiểu tiện, sỏi thận, sỏi bàng quang. Dùng phối hợp với các vị thuốc khác.

Tử chi (Linh chi màu tím)

Vị ngọt. Tính ôn không độc.

Phối hợp với các vị thuốc khác trị chứng đau nhức xương khớp, gân cốt.

LONG ĐỜM (Rễ và Thân rễ)

Gentianae Radix et Rhizoma

Long đờm thảo

Rễ và thân rễ được làm khô của cây Long đờm (*Gentiana scabra* Bunge), cây Điều diệp long đờm (*Gentiana manshurica* Kitag.), cây Tam hoa long đờm (*Gentiana triflora* Pall.) hoặc cây Kiên long đờm (*Gentiana rigescens* Franch.), họ Long đờm (Gentianaceae). Ba loại đều gọi là Long đờm, loại cuối cùng gọi là Kiên long đờm. Thu hoạch vào cuối mùa xuân và đầu mùa thu, đào lấy thân rễ và rễ, rửa sạch và phơi hoặc sấy nhẹ đến khô.

Mô tả

Long đờm: Thân rễ có đường kính 0,3 cm đến 1 cm, được cắt thành từng bó không đều, xen thành từng đoạn dài 1 cm đến 3 cm, mặt ngoài của thân rễ màu xám thẫm hoặc nâu thẫm, phần trên có những vết sẹo thân hoặc phần sót lại của thân cây, phần xung quanh và phía dưới mang nhiều rễ mảnh. Rễ hình trụ hơi vắn, dài 10 cm đến 20 cm, đường kính 0,2 cm đến 0,5 cm, mặt ngoài màu vàng nhạt hay nâu vàng, phần nhiều phía trên có những nếp nhăn ngang rõ rệt, phía dưới hẹp hơn, có những nếp nhăn dọc và vết sẹo của rễ con. Chất giòn, dễ bẻ gãy, mặt gãy hơi bằng phẳng, vỏ trắng vàng hay nâu vàng, gỗ màu nhạt hơn và có vòng chám chám. Mùi nhẹ, vị hơi đắng.

Kiên long đờm: Lớp bên ngoài dạng màng, dễ bong, không thấy nếp nhăn ngang. Gỗ màu trắng vàng, dễ tách khỏi vỏ. Ghi chú: Rễ chùm có nhiều tua nhỏ, mềm chắc, màu vàng đậm, thật đáng là loại tốt.

Vi phẫu

Long đờm: Ngoại bì gồm một lớp tế bào, thành phía ngoài tương đối dày. Mô mềm vỏ khá hẹp và có khe nứt. Nội bì rõ, gồm những tế bào kéo dài theo hướng tiếp tuyến, mỗi tế bào bị chia cắt bởi những thành tế bào kéo dài tạo thành

những tế bào nhỏ hơn hình gần vuông. Libe rộng và có khe nứt. Tầng phát sinh không rõ. Gỗ gồm 5 đến 10 mạch gỗ xếp thành nhóm. Mô mềm ruột rõ rệt, tế bào mô mềm đôi khi chứa tinh thể calci oxalat hình kim nhỏ.

Kiên long đờm: Các mô nằm phía ngoài nội bì phần lớn rời rạc. Nội bì rõ rệt. Libe chiếm 2/3 phần tính theo bán kính mặt cắt. Gỗ có các mạch gỗ được phân bố đều đặn và dày đặc tạo thành tia. Không có mô mềm ruột.

Bột

Bột Long đờm: Màu nâu vàng nhạt. Quan sát trên kính hiển vi thấy: Mảnh biểu bì tế bào hình thoi khi nhìn trên bề mặt. Các tế bào nội bì hình chữ nhật khá rộng khi nhìn trên bề mặt, trên thành tế bào có các nếp nhăn ngang nhỏ, mỗi tế bào bị chia bởi các vách ngăn kéo dài tạo thành những tế bào nhỏ, hầu hết những vách ngăn kéo dài dày lên tạo thành hình chuỗi hạt. Tế bào mô mềm chứa tinh thể calci oxalat hình kim nhỏ. Mạch mạng và mạch hình thang, đường kính khoảng 45 µm.

Bột Kiên long đờm: Màu nâu đỏ đến nâu vàng. Quan sát trên kính hiển vi thấy: Tế bào nội bì hình gần vuông hoặc hình chữ nhật, trên thành tế bào có các nếp nhăn ngang tương đối dày và sát nhau, có khi dày tới 3 µm, mỗi tế bào được chia thành vài tế bào nhỏ xếp song song với nhau, vách ngăn hơi dày hoặc dạng chuỗi hạt. Không quan sát thấy các mảnh biểu bì.

Định tính

A. Lấy 0,5 g bột dược liệu thêm 5 ml ethanol 96 % (TT), đun trên cách thủy 15 min, lọc lấy dịch lọc. Trên một tờ giấy lọc, chấm dịch lọc này thành 3 vết riêng biệt rồi sấy khô giấy lọc. Vết thứ nhất dùng làm vết đối chứng; vết thứ hai được nhỏ chồng thêm 1 giọt dung dịch kali hydroxyd 5 % (TT); vết thứ ba được nhỏ chồng thêm 1 giọt dung dịch nhôm clorid 1 % trong methanol (TT). Quan sát màu các vết dưới ánh sáng tử ngoại 366 nm. Kết quả: Vết đối chứng có màu xanh lơ nhạt; vết thứ hai có màu nâu tím; vết thứ ba có màu xanh lơ nhạt, sáng hơn vết chứng.

B. Phương pháp sắc ký lớp mỏng (Phụ lục 5.4).

Bản mỏng: Silica gel GF₂₅₄.

Dung môi khai triển: Ethyl acetat - methanol - nước (8 : 2 : 1).

Dung dịch thử: Lấy 0,5 g bột dược liệu, thêm 10 ml methanol (TT), đun trên cách thủy trong khoảng 15 min, lọc, cô dịch lọc trên cách thủy còn khoảng 2 ml thu được dung dịch thử.

Dung dịch dược liệu đối chiếu: Lấy 0,5 g bột dược liệu Long đờm (mẫu chuẩn), tiến hành chiết như mô tả ở phần Dung dịch thử.

Cách tiến hành: Chấm riêng biệt lên bản mỏng 5 µl mỗi dung dịch trên. Sau khi triển khai xong, lấy bản mỏng ra, để khô ở nhiệt độ phòng. Quan sát dưới ánh sáng tử ngoại ở bước sóng 254 nm. Trên sắc ký đồ dung dịch thử phải có các vết tương đương về vị trí và cùng màu với các vết trên sắc ký đồ của dung dịch dược liệu đối chiếu.

Độ ẩm

Không quá 12,0 % (Phụ lục 9.6, 1 g, 105 °C, 5 h).

Tro toàn phần

Không quá 7,0 % (Phụ lục 9.8).

Tạp chất

Không quá 1,0 % (Phụ lục 12.11).

Chế biến

Lông đờm thái khúc: Lấy dược liệu chưa thái khúc, loại bỏ tạp chất, rửa sạch ử mềm, thái khúc dài 3 cm đến 4 cm phơi khô, dùng sống có tác dụng thanh thấp nhiệt.

Long đờm tẩm rượu sao: Tẩm rượu để đưa thuốc vào can, đờm; có tác dụng tả can hòa, thanh đờm nhiệt. Cứ 10 kg dược liệu đã thái khúc dùng 500 ml rượu 40°. Tẩm đều, ủ 3 h, sao vàng có mùi thơm là đạt.

Bảo quản

Dược liệu chưa chế biến: Để nơi khô, thoáng.

Dược liệu đã chế biến: Để trong đồ đựng kín, tránh ẩm mốc, nên dùng trong 30 ngày sau khi chế.

Tính vị, quy kinh

Vị đắng, tính hàn. Vào các kinh can, đờm, bàng quang.

Công năng, chủ trị

Tả can hòa, thanh thấp nhiệt đờm và bàng quang. Chủ trị: Hoàng đản, chứng thấp nhiệt, sưng ngứa âm nang nam giới, âm hộ nữ giới, bạch đới của nữ, nam giới cường dương, các chứng thấp chân từ eo lưng xuống hai bàn chân. Do can hòa vượng sinh chứng tai ù, tai điếc, đau hai mạn sườn (hiếp thống), miệng đắng, co giật.

Cách dùng, liều lượng

Ngày dùng từ 4 g đến 8 g, dạng thuốc sắc. Tán bột làm viên hoàn theo yêu cầu của bài thuốc.

Kiêng kỵ

Tỳ vị hư hàn, đại tiện phân lỏng không nên dùng.

LONG NHA THẢO

Agrimoniae Herba

Tiên hạc thảo

Phần trên mặt đất được làm khô của cây Long nha thảo (*Agrimonia pilosa* Ledeb. var. *nepalensis* (D. Don) Nakai (*A. nepanlensis* D. Don), họ Hoa hồng (Rosaceae). Thu hái vào mùa hạ, mùa thu. Loại bỏ tạp chất, cắt đoạn, phơi hoặc sấy khô.

Mô tả

Những mảnh lá, thân, cành đã cắt thành đoạn dài 4 cm đến 6 cm. Lá chét nguyên vẹn màu xanh nhạt, hình bầu dục hay hình trái xoan ngược, mép có răng cưa, cả hai mặt đều mang nhiều lông mịn. Thân và cành gần tròn, màu vàng nâu đến nâu, to nhỏ khác nhau, thường rỗng ở giữa.

Vị phẫu

Phần gân chính của lá: Phía trên hơi lõm, phía dưới lồi. Ngoài cùng là lớp biểu bì cấu tạo bởi một hàng tế bào tròn nhỏ, xếp đều đặn, rải rác có lông che chở, lông tiết. Dưới biểu bì có mô dày góc. Mô mềm gồm những tế bào tròn, thành mỏng. Bó libe-gỗ ở giữa gân chính gồm cung libe bao phủ phía dưới mô gỗ.

Thân: Mặt cắt tròn, từ ngoài vào trong gồm: Biểu bì gồm một lớp tế bào tròn nhỏ, rải rác có lông che chở, lông tiết. Dưới biểu bì là mô dày cấu tạo bởi 2 đến 3 lớp tế bào nhỏ, thành dày. Mô mềm gồm các tế bào to, hình đa giác, thành mỏng. Mô cứng tập trung thành từng đám tạo thành vòng gần liên tục. Libe-gỗ thành vòng liên tục, libe ở phía ngoài, gỗ ở phía trong. Có thể thấy mô mềm ruột còn sót lại là những tế bào to hình đa giác, thành mỏng, rải rác có tinh thể calci oxalat hình cầu gai.

Bột

Bột màu xám, vị đắng nhẹ. Soi dưới kính hiển vi thấy: Những mảnh phiến lá; biểu bì lá mang lỗ khí; mảnh biểu bì thân; mảnh mô mềm mang tinh thể calci oxalat hình cầu gai, hình khối; các bó mạch; lông che chở; lông tiết chân có 2 đến 3 tế bào, đầu có 4 đến 6 tế bào. Tế bào mô cứng đứng riêng lẻ hay tụ thành đám.

Định tính

A. Lấy 1 g bột dược liệu, thêm 10 ml *nước cất*, đun sôi trong 5 min, lọc. Lấy dịch lọc cho vào 2 ống nghiệm, tiến hành tiếp như sau:

Ống 1: Thêm 2 giọt *dung dịch sắt (III) clorid 5 % (TT)*, xuất hiện màu xanh đen.

Ống 2: Thêm 3 giọt *dung dịch gelatin 2 % (TT)*, xuất hiện tủa bông.

B. Phương pháp sắc ký lớp mỏng (Phụ lục 5.4).

Bản mỏng: Silica gel 60F₂₅₄.

Dung môi khai triển: Cloroform - ethyl acetat - acid formic (5 : 4 : 1).

Dung dịch thử: Lấy 5 g bột dược liệu, thêm 100 ml *nước*, đun sôi nhẹ trong 1 h. Lọc, cô dịch lọc còn 30 ml, để nguội. Lắc dịch lọc với 40 ml dung môi khai triển. Gạn lấy lớp dưới, cô trên cách thủy đến cạn. Hoà lẫn trong 1 ml *ethanol 50 % (TT)* được dung dịch chấm sắc ký.

Dung dịch được liệu đối chiếu: Lấy 5 g bột Long nha thảo (mẫu chuẩn), tiến hành chiết như mô tả ở phần Dung dịch thử.

Cách tiến hành: Chấm riêng biệt lên bản mỏng 20 µl mỗi dung dịch trên. Sau khi triển khai sắc ký, lấy bản mỏng ra, để khô ở nhiệt độ phòng. Phun hỗn hợp *dung dịch acid boric 10 % - dung dịch acid oxalic 10 % (2 : 1)*. Sấy ở 105 °C đến khi các vết hiện rõ. Quan sát bản mỏng dưới ánh sáng tử ngoại ở bước sóng 366 nm. Trên sắc ký đồ của dung dịch thử phải có các vết tương đương về vị trí và cùng màu với các vết trên sắc ký đồ của dung dịch được liệu đối chiếu.